

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 322/2022/DS-GĐT

Ngày 13/12/2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chánh án – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Châu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Tô Chánh Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lí - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí D2 - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1.

Địa chỉ: Số 127 K1, phường K3, quận K4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh D1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 234/35 đường K11, Phường K7, quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 275/133/4 đường K10, Phường K8, quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Cụ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1926;

Địa chỉ: Số 253 đường K12, Phường K9, quận K6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nguyễn Hải S1, sinh năm 2002;

4.4. Ông Nguyễn Hải H2, sinh năm 2002;

Cùng địa chỉ: Số 275/133/4 đường K10, Phường K8, quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ông Hoàng Minh D1 trình bày:

Ngày 20/01/2017 Công ty T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) nhận được nguồn tiền 63.000.000.000 đồng từ Công ty T2 là cổ đông chiến lược của Công ty T1 nội dung là để chi trả các khoản nợ cấp thiết như nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế nhà nước, các khoản phải thi hành án... Sau khi nhận được khoản tiền này thì Công ty T1 đã chi trả một số khoản nợ, còn lại một khoản tiền khoảng 7.637.000.000 đồng.

Ngày 23/01/2017, Công ty T1 có mở cuộc họp giao ban với các thành phần tham dự gồm Ông Hoàng Minh D1 là Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc (chủ tọa); ông Nguyễn Văn G1 là trưởng phòng Tài chính - Kế toán; bà Phạm Thị Đình P1 là trưởng phòng Hợp tác - đầu tư, ông Đào Văn Vương là Trưởng phòng TCHC - Chủ tịch công đoàn; ông Vũ Anh P2 là Trưởng phòng vật tư - thiết bị; ông Trần Văn T3 là Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật; ông Huỳnh Hưng T4 là Phó phòng vật tư - thiết bị (Thư ký); ông Nguyễn Trí D2 là bí thư đoàn thanh niên. Tại cuộc họp đã thống nhất là chuyển vào tài khoản cá nhân ông Nguyễn Văn G1 với số tiền là 6.737.000.000 đồng và tài khoản cá nhân Ông Hoàng Minh D1 số tiền 1.500.000.000 đồng để ông G1, Ông D1 mở sổ tiết kiệm lấy tiền lời bổ sung vào quỹ công đoàn.

Và theo đúng tinh thần cuộc họp thì chiều ngày 23/01/2017 lúc 15 giờ 49 phút 58 giây bà Hoàng Thị H3 (kế toán Công ty T1) đã rút tiền từ tài khoản Công ty T1 (số tài khoản 1351 00000 14777 Tại Ngân hàng B1 chi nhánh Gia Định) số tiền 6.450.000.000 đồng theo giấy rút tiền mặt số 0139. Ngay sau đó, vào lúc 15 giờ 52 phút 14 giây bà H3 đã chuyển số tiền 6.350.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân ông Nguyễn Văn G1, số tài khoản 13510000113247 tại Ngân hàng B1 chi nhánh Gia Định theo giấy nộp tiền mặt số 0141 ngày 23/01/2017 với nội dung “CHUYEN TIEN TK CTY”.

Ngày 06/02/2017 ông G1 đã mở 12 sổ tiết kiệm (đã rút ra 1 sổ trước thời hạn, còn lại 11 sổ) tại Ngân hàng B1, mỗi sổ trị giá 500.000.000 đồng. Cụ thể: Sổ tiết kiệm số 1909128, sổ tiết kiệm số 1909129, sổ tiết kiệm số 1909730, sổ tiết kiệm số 1909731, sổ tiết kiệm số 1909732, sổ tiết kiệm số 1909733, sổ tiết kiệm số 1909735, sổ tiết kiệm số 1909736, sổ tiết kiệm số 1909737, sổ tiết kiệm số 1909738 và sổ tiết kiệm số 1909739.

Ngày 14/02/2017, vào hồi 16:16:56 Công ty T1 (do bà Phan Kim L1) nộp tiền vào tài khoản số 13510000113247 của ông G1 tại Ngân hàng B1 số tiền 300.000.000 đồng, sau khi trừ đi phí nộp tiền thì tài khoản ông G1 nhận là 299.901.033 đồng.

Ngày 16/02/2017 Công ty T1 (do bà Phan Kim L1) nộp tiền vào tài khoản số 13510000113247 của ông G1 tại Ngân hàng B1 số tiền 87.000.000 đồng, sau khi trừ đi phí nộp tiền thì tài khoản ông G1 nhận là 86.971.299 đồng.

Như vậy tổng số tiền Công ty T1 đã gửi vào tài khoản cá nhân của ông G1 là 6.737.000.000 đồng, sau khi trừ đi phí nộp tiền thì số tiền Công ty T1 đã chuyển cho ông G1 là 6.736.872.332 đồng.

Sau đó, do nhu cầu sử dụng tiền của Công ty T1 nên theo yêu cầu của Ban giám đốc ông G1 đã chuyển lại vào tài khoản của Công ty T1 và chi hộ cho 2 cá nhân của Công ty T1 gồm những khoản cụ thể như sau:

Chi cho ông Vũ Anh P2 số tiền 150.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi số 0038 ngày 14/02/2017.

Chi cho Phạm Thị Đình P1 số tiền 27.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi số 0035 ngày 14/02/2017.

Ngày 15/02/2017, ông G1 rút tiền mặt từ tài khoản của ông G1 số tiền 30.000.000 theo giấy rút tiền mặt số 0070 để nộp vào tài khoản Công ty T1 số tài khoản 13510000094777 tại Ngân hàng B1 theo giấy nộp tiền mặt số 0015 ngày 15/02/2017.

Ngày 20/02/2017, ông G1 nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty T1 số tài khoản 13510000094777 tại Ngân hàng B1 theo giấy nộp tiền mặt số 0057 ngày 20/02/2017, số tiền 101.000.000 đồng.

Ngày 21/02/2017, ông G1 nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty T1 số tài khoản 13510000094777 tại Ngân hàng B1 theo giấy nộp tiền mặt số 0007 ngày 21/02/2017, số tiền 800.000.000 đồng (trong đó có 500.000.000 đồng ông G1 rút từ sổ tiết kiệm số 1909734, còn 300.000.000 đồng ông G1 rút từ tài khoản do bà Phan Kim L1 chuyển cho ông G1 ngày 14/02/2017).

Như vậy tổng số tiền ông G1 đã nộp vào tài khoản của Công ty T1 và chi hộ cho Công ty T1 là 1.108.000.000 đồng. Sau khi trừ khoản tiền Công ty T1 chuyển vào tài khoản ông G1 (6.737.000.000 đồng) và số tiền mà ông G1 đã nộp lại vào tài khoản Công ty T1, chi hộ cho Công ty T1 (1.108.000.000 đồng) thì số tiền ông G1 còn giữ của Công ty T1 là: $6.737.000.000 - 1.108.000.000$ đồng = 5.629.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định số tiền 5.629.000.000 đồng là của Công ty T1 (Trong đó 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm ông G1 đứng tên và 129.000.000 đồng trong tài khoản của ông G1) và buộc các đồng thừa kế của

ông Nguyễn Văn G1 gồm Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Q, em Nguyễn Hải S1, em Nguyễn Hải H2 (do Bà H1 là đại diện hợp pháp) trả cho nguyên đơn số tiền trên và tiền lãi phát sinh của số tiền 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm ông G1 đứng tên tạm tính đến ngày 06/10/2019 là 733.699.489đ. Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 2202/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận K5 để đảm bảo thi hành án. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị 88 cổ phiếu tương đương 8.800.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị H1 và cũng là đại diện hợp pháp em S1 và em H2 trình bày:

Bà xác định cuộc họp ngày 23/01/2017 là không diễn ra, bởi các lý do sau:

+ Thứ nhất, Biên bản họp hội đồng quản trị ngày 19/01/2017 được lập ra là ngụy tạo, không có sự tham gia của các thành viên đương nhiệm, không đủ số lượng cổ đông có mặt. Ngoài ra biên bản này không có chữ ký của ông G1 hay bất kỳ thành viên đương nhiệm nào.

+ Thứ hai, Ông D1 và nhân viên đã nhiều lần làm giả giấy tờ nộp cho cơ quan nhà nước, ví dụ: vào năm 2015 Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã có kết luận về việc làm giả giấy tờ của Công ty T1. Ngoài ra tại biên bản làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an ông G1 đã thể hiện ông G1 không tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông về việc tăng vốn điều lệ ngày 06/11/2015 nhưng lại có tên của ông G1 trong biên bản. Với lý do trên, thể hiện Ông Hoàng Minh D1 đã nhiều lần làm giả giấy tờ.

+ Thứ ba, trong giấy đề nghị nộp tiền vào tài khoản ngày 14/02/2017 và ngày 16/02/2017 do bà Phan Kim L1 đề nghị nộp tiền vào tài khoản của ông G1 với số tiền lần lượt là 300.000.000 đồng và 87.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong bảng sao kê tài khoản của ông G1 vào ngày 14/02/2017 và ngày 16/02/2017 không có các khoản tiền trên. Công ty T1 không giao nộp được phiếu chi tiền mặt từ quỹ tiền mặt của Công ty, điều này chứng tỏ số tiền mà bà L1 nộp vào tài khoản của ông G1 không phải là số tiền của Công ty T1.

+ Thứ tư, việc rút số tiền 6.450.000.000 đồng từ tài khoản Công ty thì tài khoản của Công ty T1 phải giảm đi số tiền đó nên phải có phiếu thu tiền mặt nhập quỹ đúng số tiền này để cân đối tài chính. Nếu công ty cho rằng số tiền này là của Công ty thì bắt buộc Công ty phải có phiếu chi tiền mặt phù hợp với số tiền đã lấy đi theo đúng như Luật kế toán. Việc Công ty khẳng định tiền bà H3 nộp vào tài khoản của ông G1 là tiền của Công ty nhưng không nộp phiếu chi tiền thì chứng tỏ số tiền đó không phải là tiền của Công ty. Vì muốn chiếm đoạt số tiền của ông G1 nên Công ty đã làm giả mạo giấy tờ.

+ Thứ năm, đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà Công ty vay của ông G1 với lãi suất 2%/tháng theo như nội dung Biên bản hòa giải ngày 04/8/2017 của Ông D1 là đúng sự thật. Tuy nhiên, nay Ông D1 phủ nhận là không chính xác bằng việc cung cấp cho Tòa hồ sơ vay và trả tiền cho ông Dương Trọng N1 để phủ nhận vay tiền chồng tôi.

Bà H1 không đồng ý toàn bộ chứng cứ Công ty T1 vì không có giá trị pháp lý và khẳng định số tiền 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm tên ông G1 là tài sản của chồng bà. Do đó đề nghị Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn.

Bà H1 có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị 88 cổ phiếu tương đương 8.800.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Đối với Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017 mà Công ty T1 nộp cho Tòa ông khẳng định là do Công ty T1 lập sau ngày ông Nguyễn Văn G1 mất (21/02/2017).

- Đối với việc chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Văn G1 theo giấy nộp tiền mặt số 0141 ngày 23/01/2017 do bà Hoàng Thị H3 là người thực hiện chuyển và chứng từ ngày 14 và ngày 16 tháng 02 năm 2017 do bà Phan Kim L1 thực hiện chuyển là việc nội bộ của Công ty. Khi mở niêm phong phòng làm việc của ông G1, trong đó có 11 sổ tiết kiệm đứng tên của ông G1 là tài sản của ông G1. Công ty T1 kiện đòi tài sản là 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông G1 thì phải đưa ra những căn cứ pháp lý như Biên bản thỏa thuận, hợp đồng có chữ ký của ông G1. Giấy đề nghị nộp tiền của Công ty cung cấp mà không có số và lập sau ngày ông G1 mất là không có giá trị pháp lý. Ngoài ra không có hồ sơ thể hiện phiếu thu, chi theo nguyên tắc kế toán phải có chữ của kế toán trưởng là ông G1. Những người làm chứng Tòa án triệu tập để đối chất là không khách quan, họ không biết gì về sổ tiết kiệm của ông G1. Nhân chứng quan trọng nhất là ông G1 thì đã mất. Một Công ty có tư cách pháp nhân, có đầy đủ các phòng ban thì không thể nhờ ông G1 đứng tên giùm các sổ tiết kiệm. Do đó không có cơ sở xác định tiền trong tài khoản của ông G1 là của Công ty T1 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 579/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

1.1. Buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 gồm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Q, em Nguyễn Hải S1, Nguyễn Hải H2 do Bà Nguyễn Thị H1 là đại diện hợp pháp phải trả cho Công ty T1 số tiền 5.500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/10/2019 là 733.699.469 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/10/2019 cho đến khi thi hành án xong trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên

ông Nguyễn Văn G1; cụ thể Số seri sổ tiết kiệm là AAB1909128, AAB1909129, AAB1909130, AAB1909131, AAB1909132, AAB1909133, AAB1909135, AAB1909136, AAB1909137, AAB1909138, AAB1909139 của Ngân hàng B1 chi nhánh Gia Định. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 gồm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Q, em Nguyễn Hải S1, Nguyễn Hải H2 do Bà Nguyễn Thị H1 là đại diện hợp pháp phải trả cho Công ty T1 số tiền 129.000.000 đồng.

1.3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty T1 có trách nhiệm trả cho Bà H1, ông Q, em S1, em H2 8.800.000 đồng tương đương với giá trị 88 cổ phiếu làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 2202/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận K5 để đảm bảo thi hành án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 697/2020/DS-PT ngày 24/7/2020, Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định sửa Bản án dân sự sơ thẩm như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1. Các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 gồm: Cụ Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Hải S1, anh Nguyễn Hải H2 được thừa hưởng số tiền 5.500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/10/2019 733.699.469 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/10/2019 cho đến khi thi hành án xong trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông G1; cụ thể số seri sổ tiết kiệm là AAB1909128, AAB1909129, AAB1909130, AAB1909131, AAB1909132, AAB1909133, AAB1909135, AAB1909136, AAB1909137, AAB1909138, AAB1909139 của Ngân hàng B1 chi nhánh Gia Định.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn G1 gồm Bà Nguyễn Thị H1, Cụ Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Hải S1, anh Nguyễn Hải H2 phải trả cho Công ty T1 số tiền 129.000.000 đồng là số tiền còn lại trong tài khoản cá nhân ông G1, số tài khoản 13510000113247 tại Ngân hàng B1 chi nhánh Gia Định.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty T1 có trách nhiệm trả cho Bà H1, Cụ Q, anh Sơn, anh Hà 8.800.000 đồng tương đương với giá trị 88 cổ phiếu một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 2202/2017/QĐBPKCTT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận K5 theo Quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 219/2020/QĐBPKCTT ngày 24/7/2020.

Ngày 07/12/2020, Công ty T1 có đơn đề nghị kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 38/2022/KN-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; hủy bản án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Công ty T1 cho rằng tại cuộc họp giao ban ngày 23/01/2017, Công ty thống nhất giao số tiền chưa sử dụng cho Ông Hoàng Minh D1 (Tổng Giám đốc) 1.500.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn G1 (Kế toán trưởng) 6.737.000.000 đồng để mở sổ tiết kiệm, tài khoản cá nhân, lấy lãi bổ sung cho quỹ công đoàn Công ty. Thực tế, Công ty T1 đã chuyển tổng cộng 6.737.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông G1 và ông G1 đã rút tiền để mở 12 sổ tiết kiệm (mỗi sổ 500.000.000 đồng). Trước khi chết, ông G1 đã rút tiền trong 1 sổ tiết kiệm để thanh toán cho khách hàng của Công ty, nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty, tổng cộng là 1.108.000.000 đồng. Vì vậy, Công ty T1 yêu cầu các thừa kế của ông G1 phải trả lại Công ty số tiền 5.629.000.000 đồng (gồm 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm và 129.000.000 đồng trong tài khoản của ông G1) và tiền lãi phát sinh từ số tiền trên.

[2]. Các thừa kế của ông G1 cho rằng Công ty T1 đã giả mạo tài liệu, chứng từ sau khi ông G1 chết, số tiền trong các sổ tiết kiệm và trong tài khoản của ông G1 là tài sản riêng của ông G1. Các thừa kế của ông G1 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T1, buộc Công ty T1 thanh toán 8.800.000 đồng giá trị 88 cổ phiếu của ông G1.

[3]. Căn cứ Sao kê tài khoản khách hàng (tài khoản của ông G1) từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2017 của Ngân hàng B1 và các tài liệu chứng từ do Công ty T1 cung cấp thể hiện:

- Tại thời điểm ngày 23/01/2017, số dư tài khoản của ông G1 là 16.722.708 đồng. Cùng ngày 23/01/2017, tại B1 - Chi nhánh Gia Định bà Đinh Thị H4 (nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty T1) đã rút 6.450.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty T1 (theo Giấy rút tiền mặt ngày 23/01/2017), đồng thời bà H3 đã chuyển số tiền 6.350.000.000 đồng vào tài khoản của ông G1 (theo Giấy nộp tiền mặt ngày 23/01/2017). Bà H3 khẳng định số tiền 6.350.000.000 đồng không phải của bà H3, mà được rút từ tài khoản của Công ty T1 chuyển vào tài khoản của ông G1 theo lệnh của Ban Giám đốc Công ty T1 nên mục nội dung chuyển tiền ghi là

“Chuyển tiền TK Công ty”. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 6.350.000.000 đồng là tiền của Công ty T1 chuyển vào tài khoản của ông G1. Sau đó, tính đến ngày 06/02/2017, tài khoản của ông G1 có 9 giao dịch phát sinh nợ (rút tiền, chuyển khoản, thanh toán) với tổng số tiền 104.219.400 đồng, 2 giao dịch phát sinh có (chuyển khoản) với tổng số 4.292.369 đồng, số dư tài khoản là 6.266.795.077 đồng. Ngày 06/02/2017, tại B1 - Chi nhánh Gia Định ông G1 rút số tiền 6.000.000.000 đồng để mở 12 sổ tiết kiệm (mỗi sổ 500.000.000 đồng) đứng tên ông G1. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 6.000.000.000 đồng trong 12 sổ tiết kiệm đứng tên ông G1 là số tiền phát sinh từ số tiền 6.350.000.000 đồng nêu trên.

- Tại Ngân hàng B3, bà Phan Kim L1 (nhân viên phòng kế toán tài chính Công ty T1) đã chuyển vào tài khoản của ông G1 với nội dung “Phan Kim L1 chuyển tiền” số tiền 300.000.000 đồng (chưa trừ phí, thuế) theo Giấy đề nghị nộp tiền, Chứng từ giao dịch cùng ngày 14/02/2017 và số tiền 87.000.000 đồng (chưa trừ phí, thuế) theo Giấy đề nghị nộp tiền, Chứng từ giao dịch cùng ngày 16/02/2017. Bà L1 xác định đã thực hiện 2 giao dịch chuyển tiền tổng cộng 387.000.000 đồng theo các Giấy đề nghị nộp tiền trên với nội dung nộp tiền mặt vào tài khoản của ông G1, để thanh toán công nợ khách hàng (được Ông D1, Tổng Giám đốc ký duyệt). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/10/2019, Bà H1 (vợ ông G1) thừa nhận giữa ông G1 và bà H3, bà L1 ngoài quan hệ đồng nghiệp, không có quan hệ vay mượn tiền. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 387.000.000 đồng nêu trên (chưa trừ phí, thuế) là tiền của Công ty T1 chuyển vào tài khoản của ông G1.

[4]. Thực tế, ông G1 đã chuyển tiền từ tài khoản của ông G1 cho các khách hàng của Công ty T1 gồm: ông Vũ Anh P2 số tiền 150.000.000 đồng, bà Phạm Thị Đình Phương 27.000.000 đồng theo các Ủy nhiệm chi cùng ngày 14/02/2017 với nội dung: “Công ty T1 tạm ứng”. Ngày 15/02/2017, tại B1 - Chi nhánh Gia Định ông G1 đã rút 30.000.000 đồng từ tài khoản vào lúc 10h57p57, đồng thời bà L1 nộp số tiền này vào tài khoản Công ty T1 vào lúc 11h02p47 (theo các Giấy rút tiền mặt và Giấy nộp tiền mặt cùng ngày 15/02/2017). Ngày 20/2/2017, ông G1 đã rút 101.000.000 đồng từ tài khoản của ông G1, đồng thời nộp số tiền này vào tài khoản của Công ty T1 theo các Giấy nộp tiền mặt, Giấy rút tiền mặt cùng ngày 20/02/2017. Sau đó, ông G1 đã rút 300.000.000 đồng từ tài khoản của ông G1, rút một số tiết kiệm (trong số 12 sổ tiết kiệm nêu trên), đồng thời nộp 800.000.000 đồng vào tài khoản Công ty T1 theo Giấy nộp tiền ngày 21/02/2017. Như vậy, ông G1 đã thanh toán cho khách hàng, nộp tiền vào tài khoản Công ty T1 với tổng số tiền là 1.108.000.000 đồng, còn giữ 5.629.000.000 đồng trong số tiền mà Công ty T1 đã chuyển vào tài khoản của ông G1.

[5]. Tại Biên bản họp giao ban Công ty T1 ngày 23/01/2017 gồm 8 thành viên (trong đó có ông G1), Ban lãnh đạo công ty đã thống nhất lấy khoản tiền chưa dùng đến 8.237.000.000 đồng giao cho Ông D1 (Tổng Giám đốc) 1.500.000.000 đồng, giao cho ông G1 (Kế toán trưởng) 6.737.000.000 đồng để mở sổ tiết kiệm, tài khoản cá nhân của mỗi người lấy tiền lãi bổ sung cho quỹ Công đoàn Công ty

T1. Tại Tòa án, các thành viên tham gia cuộc họp nêu trên (trừ ông G1 đã chết) đều xác định thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp đúng như biên bản nêu trên. Tại Biên bản mở niêm phong của phòng Kế toán trưởng ngày 02/3/2017 (có sự tham gia của Bà H1, vợ ông G1) thể hiện: tại bàn làm việc của ông G1, để trong hộp riêng có 11 sổ tiết kiệm (mỗi sổ 500 triệu đồng) đứng tên ông G1, 3 sổ tiết kiệm (mỗi sổ 500 triệu đồng) đứng tên Ông D1. Như vậy, sự việc Công ty T1 chuyển tổng cộng số tiền 6.737.000.000 đồng (chưa trừ thuế, phí) vào tài khoản của ông G1, sự việc ông G1, Ông D1 mở sổ tiết kiệm là phù hợp với nội dung biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017, phù hợp với lời khai của các cán bộ Công ty (trong đó có nhiều người hiện đã nghỉ việc).

[6]. Công ty T1 đã chứng minh được việc đã chuyển 6.737.000.000 đồng (chưa trừ thuế, phí) vào tài khoản của ông G1 để mở sổ tiết kiệm lấy tiền lời bổ sung cho quỹ Công đoàn công ty, để thanh toán cho khách hàng, mà không phải thanh toán trả nợ, trả lương, thưởng, tặng cho ông G1. Các thừa kế của ông G1 cho rằng số tiền trên là của ông G1, nhưng không chứng minh được số tiền này là do Công ty T1 trả nợ, trả lương, thưởng, tặng cho ông G1.

[7]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty T1, buộc các thừa kế của ông G1 phải trả 5.500.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông G1 là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng số dư tài khoản của Giang vào ngày 21/02/2017 là 30.497.094 đồng, Công ty T1 không chứng minh được số tiền còn lại trong tài khoản của ông G1 là của Công ty T1, từ đó bác yêu cầu đòi số tiền 129.000.000 đồng còn lại của Công ty T1 là không chính xác. Bởi vì trong số tiền 6.737.000.000 đồng mà Công ty T1 chuyển vào tài khoản của ông G1 thì ngoài việc ông G1 rút tiền phục vụ hoạt động của Công ty thì ông G1 còn rút tiền để chi tiêu cá nhân và các thừa kế của ông G1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông G1 trong phạm vi di sản của ông G1 để lại.

[8]. Theo quy định tại Điều 146, Điều 154 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì Biên bản họp đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký; Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung của biên bản họp. Thực tế, Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 19/01/2017, Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017 đều có chữ ký Chủ tọa, Thư ký. Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017 chỉ là biên bản họp nội bộ Công ty T1 và tất cả những người tham gia cuộc họp (trừ ông G1 đã chết) đều xác nhận thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp là đúng. Thực tế, Biên bản này chỉ thể hiện nội dung Ông D1 thông báo Công ty nhận được 63.000.000.000 đồng từ Công ty T2 (cổ đông chiến lược của Công ty T1) để chi trả cho các khoản nợ ưu tiên chi trả cho Bảo hiểm xã hội để chốt sổ cho Cán bộ nhân viên đã nghỉ việc, chi trả thuế để lấy hóa đơn giá trị gia tăng, trong đó có số tiền 8.237.000.000 đồng (dùng để đóng lãi phạt do chậm nộp thuế trong khi chờ hoàn tất thủ tục đối chiếu số liệu với cục thuế) tạm thời chưa sử dụng thì mở sổ tiết kiệm cá nhân lấy tiền lãi bổ sung cho quỹ công đoàn Công ty. Các khoản trả bảo hiểm xã

hội, chi trả thuế là các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc và thực tế Ông D1 cũng chưa quyết định sử dụng bao nhiêu trong số tiền 63.000.000.000 đồng để thực hiện các khoản trên. Việc Ông D1 quyết định sử dụng khoản tiền 8.237.000.000 đồng trên để mở sổ tiết kiệm cá nhân lấy lãi bổ sung quỹ công đoàn Công ty là không đúng nguyên tắc kế toán của Công ty; trong trường hợp Ông D1 làm trái quy định của pháp luật, điều lệ Công ty mà gây thiệt hại cho Công ty thì Ông D1 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty, nhưng không thể mất quyền sở hữu của Công ty T1 đối với số tiền đã chuyển vào tài khoản của ông G1.

[9]. Tòa án cấp phúc thẩm lại cho rằng Ông D1 quyết định sử dụng số 63.000.000.000 đồng, vượt quá tỉ lệ 35% vốn Công ty, không thông qua Hội đồng quản trị; Biên bản họp giao ban không có chữ ký của ông G1; Biên bản họp giao ban không có giá trị chứng minh cho mục đích chuyển tiền của Công ty, Công ty không chứng minh được yêu cầu của mình là hợp pháp, từ đó bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 là không có căn cứ, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 38/2022/KN-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 697/2020/DS-PT ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 579/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa nguyên đơn là Công ty T1 với bị đơn là Bà Nguyễn Thị H1, Cụ Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn Sơn, Ông Nguyễn Hải H2; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (*để báo cáo*);
- Vụ pháp chế và QLKH - TANDTC (*để biết*);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND - TPHCM;
- TAND quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi Cục THADS quận K5, TPHCM;
- Các đương sự (*theo địa chỉ*);
- Lưu: VT (VP, GDKT II, THS), hồ sơ vụ án.
(P.T.L)

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Châu

